TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2021/DS-PT
Ngày: 21/5/2021
V/v tranh chấp "*Đòi quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Vân**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Triều**.

Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp "*Đòi quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2020/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đặng Văn L**, sinh năm 1950;
Địa chỉ: Ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền: **Ngô Thị X,** sinh năm 1958; (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp MH1, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1976; (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp TT, xã Ngũ Hiệp, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.
Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1955;
Địa chỉ: Ấp MH1, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền: **Lê Văn S,** sinh năm 1976;
Địa chỉ: Ấp TT, xã Ngũ Hiệp, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông **Trần Văn L (TC)**, sinh năm 1957; (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp MH1, xã ML, huyện CL, Tiền Giang.
Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1958; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp MH1, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.
Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Ấp HT, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.
Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1966;
Địa chỉ: Ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp MH1, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông H, bà T và bà H: **Lê Văn S**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp TT, xã Ngũ Hiệp, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông **Lê Văn S.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là bà Ngô Thị X trình bày:

Ông Đặng Văn L có phần đất thửa số 602A, diện tích 108 m^2, địa chỉ tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0182QSDĐ/116 ngày 28/8/1997 cho ông Đặng Văn L. Trước đây bà Lê Thị H (là con của ông Lê Văn C) có đến xin cho bà H cất nhà ở tạm trên phần đất này. Trong quá trình sử dụng đất, ông Lê Văn T và anh Lê Văn S đã tự ý chiếm dụng thửa đất của ông L để trồng cây. Ông L đã nhiều lần yêu cầu ông T và anh S trả lại phần đất nêu trên nhưng ông T và anh S không đồng ý. Nay nguyên đơn ông Đặng Văn L khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn S và ông Lê Văn T trả lại ông L phần đất diện tích 108 m^2, thửa số 602A, theo đo đạc thực tế diện tích 79 m^2 thửa mới 157, tờ bản đồ số 15 tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Thị X là người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn L rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn T, chỉ yêu cầu anh Lê Văn S trả lại ông L phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 79 m^2 thửa mới 157, tờ bản đồ số 15 (trước đây diện tích cũ là 108 m2, thửa 602A) tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Do thực tế ông Lê Văn T không có quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp, hiện nay phần đất này do anh S quản lý, sử dụng.

Bị đơn anh Lê Văn S và là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T, ông Lê Văn H, bà Lê Thị T và bà Lê Thị H trình bày:

Ông nội của anh là ông Lê Văn C có phần đất thửa số 602, diện tích 2.364 m^2 (nay là thửa 156, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.349,9 m^2) tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, ông C có cho con là bà Lê Thị H cất nhà ở trên đất. Phần đất đang tranh chấp đã được ông C nhận chuyển nhượng (chuộc lại) của ông Trần Văn L (TC) có làm giấy tay với giá 15.000.000 đồng vào năm 2008. Năm 2011, ông C chết nên giao lại phần đất trên cho bà Trương Thị P. Đến năm 2016, bà Phòng chết để lại phần đất nêu trên cho anh S quản lý, canh tác và trồng cây. Nay anh S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L, anh không đồng ý trả lại phần đất diện tích 108 m^2, thửa số 602A (theo diện tích đo đạc thực tế là 79 m^2, thửa số 157, tờ bản đồ số 15) tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang cho ông L do phần đất này là của bà Phòng để lại cho anh.

Bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày:

Ông là con của ông Lê Văn C, trước đây ông đi làm xa nhà, khi ông về thì cha ông đã mất, ông có nghe mẹ ông là bà Trương Thị P nói lại là phần đất đang tranh chấp nêu trên đã được cha ông là ông C chuộc lại (nhận chuyển nhượng) từ ông Trần Văn L (TC) với giá 15.000.000 đồng, số tiền này là tiền cha mẹ ông có được do bán thêm một phần đất cho anh Võ Quốc V để lấy tiền chuộc lại phần đất đang tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L (TC) trình bày:

Trước đây, ông có mua phần đất diện tích 108m^2, thửa 602A (diện tích theo đo đạc thực tế là 79m^2, thửa 157, tờ bản đồ số 15) tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang của ông Đặng Văn L, có làm giấy tay nhưng chưa làm thủ tục S tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện phần đất nêu trên do ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông và ông Đặng Văn L.

Năm 2008, ông có hứa cho ông Lê Văn C (Năm C) chuộc lại phần đất đang tranh chấp và thỏa thuận ông C phải trả lại ông số tiền 15.000.000 đồng. Nhưng sau đó ông C không có trả tiền cho ông nên ông C vẫn chưa chuộc lại phần đất này. Ông và ông C cũng không có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày:

Mẹ của ông là bà Trương Thị P có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thửa 602, diện tích 2.364 m^2 (nay là thửa 156, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.349,9 m^2) địa chỉ tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc phần đất này là của cha ông là ông Lê Văn C chết để lại cho bà Phòng, sau đó bà Phòng chết, các anh chị em của ông thống nhất để lại cho anh Lê Văn S quản lý, sử dụng phần đất này. Vào năm 1994 ông lập nghiệp ở Tây Ninh nên không có ở tại phần đất này. Phần đất đang tranh chấp thửa 602A, diện tích 108 m^2, địa chỉ tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang đã được cha ông là ông Lê Văn C chuộc lại từ ông Trần Văn L (TC) vào năm 2008, nên nay ông không đồng ý trả đất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:

Mẹ của bà là bà Trương Thị P có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thửa 602, diện tích 2.364 m^2 (nay là thửa 156, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.349,9 m^2) địa chỉ tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc phần đất này là của cha bà là ông Lê Văn C chết để lại cho bà Phòng, sau đó bà Phòng chết, các anh chị em của bà thống nhất để lại cho anh Lê Văn S quản lý, sử dụng phần đất này. Đối với phần đất đang tranh chấp thửa 602A, diện tích 108 m^2, bà có nghe mẹ là bà Phòng nói lại là cha của bà đã chuộc lại phần đất đang tranh chấp thửa 602A, diện tích 108 m^2, địa chỉ tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang từ ông Trần Văn L (TC) với số tiền 15.000.000 đồng vào

năm 2008. Do đó bà không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày:

Mẹ của bà là bà Trương Thị P có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thửa 602, diện tích 2.364 m^2 (nay là thửa 156, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.349,9 m^2) địa chỉ tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc phần đất này là của cha bà là ông Lê Văn C chết để lại cho bà Phòng, sau đó bà Phòng chết, các anh chị em của bà thống nhất để lại cho anh Lê Văn S quản lý, sử dụng phần đất này. Đối với phần đất đang tranh chấp thửa 602A, diện tích 108 m^2, bà có nghe mẹ là bà Phòng nói lại là cha của bà đã chuộc lại phần đất đang tranh chấp thửa 602A, diện tích 108 m^2, địa chỉ tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang từ ông Trần Văn L (TC) với số tiền 15.000.000 đồng vào năm 2008. Do đó bà không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 166/2020/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 221, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 203 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L đối với ông Lê Văn T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L.

Buộc anh Lê Văn S có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn L quyền sử dụng đất phần đất theo diện tích đo đạc thực tế là 79m^2 thửa đất 157, tờ bản đồ số 15 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 108 m^2, thửa 602A) tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện CL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn L đứng tên quyền sử dụng đất. Vị trí đất có tứ cận như sau: Bắc giáp phần đất anh Lê Văn S, thửa 156; Nam giáp phần đất Trường THCS ML, thửa 552; Đông giáp đường đi 3m; Tây giáp phần đất anh Lê Văn S, thửa 156.

Ông Đặng Văn L được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 cây sầu riêng và 03 bụi chuối.

Buộc ông Đặng Văn L có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị tài sản cho anh Lê Văn S số tiền tổng cộng là 1.640.000 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời một chòi tạm; buộc anh Lê Văn S di dời 03 cây mít trên phần đất nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn L 2.003.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020, bị đơn ông Lê Văn S kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Đặng Văn L vẫn giữ nguyên khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn S trả lại ông phần đất diện tích 108 m^2 thuộc thửa số 602A (theo đo đạc thực tế diện tích 79 m^2 thửa mới 157) tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo bị đơn ông Lê Văn S giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+Về quan điểm giải quyết vụ án, người kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn S. Về phần 03 cây mít, án sơ thẩm tuyên buộc di dời là không đảm bảo tính khả thi. Tại phiên tòa hai bên thỏa thuận giá trị 03 cây mít là 400.000 đồng đề nghị tuyên giao cho ông L sở hữu và buộc ông hoàn lại giá trị cho anh S để đảm bảo tính khả thi. Do đó đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CL tỉnh Tiền Giang về nội dung trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: ông Đặng Văn L khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn S trả lại phần đất diện tích 108 m^2 thuộc thửa số 602A (theo đo đạc thực tế diện tích 79 m^2 thửa mới 157) tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất" là có căn cứ đúng quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Đặng Văn L với bị đơn anh Lê Văn S là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Lê Văn S là đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn S HĐXX nhận thấy:

Theo công văn số 1388/CNVPĐKĐĐ ngày 24/9/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL thể hiện thửa đất 602A, diện tích 108 m^2 tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang của ông L đứng tên được tách ra từ thửa 602. Bên cạnh đó, theo Công Văn số 07/UBND ngày 10/6/2019 của UBND xã ML, huyện CL và biên bản xác minh ngày 09/9/2020 của TAND Huyện CL thì "Thửa đất 602A theo tài liệu 299 do UBND huyện CL cấp giấy cho ông L số vào sổ 01821 ngày 28/8/1997, và thửa đất 157 do Chi Nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL phát hành là cùng một thửa do chuyển từ tài liệu 299 S tài liệu 301", diện tích thửa đất có sự thay đổi giảm còn 79m^2 là do địa phương mở rộng đường đi công cộng qua thửa đất nêu trên". Do đó có căn cứ xác định phần đất 79 m^2, thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 15 chính là thửa số 602A, diện tích 108 m^2 được UBND huyện CL, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn L đứng tên vào ngày 28/8/1997.

Anh Lê Văn S cho rằng phần đất đang tranh chấp diện tích 108m^2, thuộc thửa 602A (diện tích đo đạc thực tế là 79 m^2, thửa 157, tờ bản đồ số 15) tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang là của ông bà nội anh là ông Lê Văn C và bà Trương Thị P bán cho ông Đặng Văn L vào năm 1997. Sau đó ông L bán lại cho ông Trần Văn L (TC) nhưng chưa làm thủ tục S tên. Đến năm 2008 ông C đã chuộc lại phần đất này từ ông Lai với giá 15.000.000 đồng. Anh có cung cấp **giấy thỏa thuận** chuộc lại đất để chứng Minh. Tuy nhiên nội dung giấy thỏa thuận chuộc đất trên chỉ thể hiện "Tôi TC có bàn với ông Năm. Xin chuộc lại phần đất của C1 ở hiện nay. Ông phải trả lại số tiền 15.000.000 đồng theo lời ông cháu thỏa thuận". Như vậy, tờ thỏa thuận trên chỉ là tờ thỏa thuận sẽ cho chuộc đất chứ không phải tờ thỏa thuận đã chuộc đất.

Phía ông Lai cũng thừa nhận có thỏa thuận sẽ cho ông C chuộc lại phần đất này với giá 15.000.000 đồng, tuy nhiên sau đó ông C không trả tiền chuộc nên hai bên không có làm hợp đồng chuyển nhượng và hiện ông vẫn còn giữ giấy đất bản chính.

Phía anh S cho rằng đã chuộc lại đất nhưng không chứng minh được đã có trả tiền chuộc đất. Ngoài giấy thỏa thuận sẽ chuộc đất cũng không có giấy tờ mua bán đất nào khác; giấy đất bản chính vẫn do ông Lai giữ; Anh cho rằng ông C đã chuộc lại đất nhưng từ năm 2008 đến nay vẫn chưa S tên mà không phát sinh tranh chấp là trái với lẽ thường.

*Từ các căn cứ trên xác định không có việc ông C đã chuộc lại đất. Do đó án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ. Yêu cầu kháng cáo của anh S là không có căn cứ nên bác.

Tại phần quyết định bản án sơ thẩm có tuyên "Buộc anh Lê Văn S di dời 03 cây mít trên phần đất nêu trên". Việc tuyên buộc anh S di dời 03 cây mít như trên là không đảm bảo tính khả thi, bởi lẽ cây là vật gắn liền với đất, nếu khi án có hiệu lực phía anh S không chịu di đời cây thì không thể thi hành án được. Do đó cần giao 03 cây mít cho người được quyền sử dụng đất là ông L và buộc ông có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị 03 cây mít trên cho anh S. Theo thỏa thuận của hai bên tại phiên tòa thì giá trị 03 cây mít trên là 400.000 đồng.

[4] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Do án sơ thẩm bị cải sửa nên anh Lê Văn S không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điề 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 221, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 203 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L đối với ông Lê Văn T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L.

Buộc anh Lê Văn S có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn L phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 79m^2 thuộc thửa đất 157, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang có tứ cận như sau: Bắc giáp phần đất anh Lê Văn S, thửa 156; Nam giáp phần đất Trường THCS ML, thửa 552; Đông giáp đường đi 3m; Tây giáp phần đất anh Lê Văn S, thửa 156 có sơ đồ kèm theo (phần đất này trước đây có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 108 m^2, thuộc thửa 602A do ông Đặng Văn L đứng tên).

Ông Đặng Văn L được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 cây sầu riêng, 03 cây mít và 03 bụi chuối.

3. Buộc ông Đặng Văn L có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị tài sản gồm 01 cây sầu riêng, 03 cây mít và 03 bụi chuối cho anh Lê Văn S với số tiền tổng cộng là 2.040.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

4. Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời một chòi tạm trên phần đất nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho

đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn L 2.003.000 đồng.

Về án phí: Anh Lê Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh S không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Hoàn lại anh S 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006025 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông Đặng Văn L thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí. Hoàn lại Ông Đặng Văn L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 15972 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CL;
- CC THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Vân